

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/HS-ST
Ngày: 26 - 5 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Chân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trương Văn Thảo;

- Bà Huỳnh Thị Thùy Dung.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phát Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Hữu Tài và ông Lương Văn Khang – Kiểm sát Viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2020/TLST- HS ngày 17 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXXST- HS ngày 15 tháng 4 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/HSST- QĐ ngày 27/4/2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số 02/TB-MLPT ngày 07/5/2020 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Thành L, sinh năm 1985, tại A – An Giang; nơi cư trú: tổ 20, ấp H, xã P, huyện A, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: chăn nuôi; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Thành T và bà Hồ Thị Bích P, vợ tên Võ Thị Mỹ L, sinh năm 1988; có 01 con, sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/6/2019 cho đến nay, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo L: Ông Lôi Văn Đức là Luật sư Văn phòng Luật sư Hùng Đức thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang; có mặt.

2. Nguyễn Ngọc H (B), sinh năm 1978, tại Thanh Hóa; nơi cư trú: tổ 01, khóm C, phường B, thành phố E, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: thợ sửa chữa

máy tính; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình H (đã chết) và bà Phan Thị T, vợ tên Trần Hiền N, sinh năm 1978; có 02 người con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/6/2019 cho đến nay, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc H:

- Ông Nguyễn Văn Kê là Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn Đức Ký thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang, có mặt.

- Ông Lê Hùng Tuấn là Luật sư Công ty TNHH MTV Lâm Thanh thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang, có mặt.

Các bị hại:

- Bà Trần Xuân H, sinh năm 1980; nơi cư trú: tổ 01, khóm Châu Long 3, phường B, thành phố C, tỉnh An Giang, có mặt.

- Bà Trương Ngọc L, sinh năm 1987; nơi cư trú: ấp M, xã D, huyện C, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1969; nơi cư trú: khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- Bà Bùi Thị Tường V, sinh năm 1996; nơi cư trú: 96/3, tổ 3, ấp V, xã T, huyện C, tỉnh An Giang, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973; nơi cư trú: tổ 3, ấp Vĩ, xã T, huyện C, tỉnh An Giang, có mặt.

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Tiền G, sinh năm 1989, có mặt.

- Ông Bùi Quốc Đ, sinh năm 1969, có mặt.

- Ông Huỳnh Thanh L, sinh năm 1974, vắng mặt.

- Ông Hg Văn V, sinh năm 1979, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2012, L quen với người đàn ông tên G chưa rõ lai lịch qua mạng xã hội Google, có nickname trên mạng xã hội ZALO là Lê G.

Khoảng tháng 6/2017, L bàn bạc với H về Việc đưa các đối tượng có nhu cầu học trái tuyến, trúng tuyển Văn chức, hợp đồng trúng thầu căn tin và giữ xe.

Để thực hiện, H là người nhận hồ sơ và tiền từ bị hại rồi chuyển cho L, để cùng nhau hưởng lợi, cụ thể:

- Cuối năm 2017, Nguyễn Tiền G nhờ H giúp lo em bà con với G tên Bùi Thị Tường V vào Trường trung học cơ sở Nguyễn Đình C, L nói với H giá 60.000.000đ. H nói lại với Tiền G giá 80.000.000đ. G đưa hồ sơ của V và tiền cho H 03 lần tổng cộng 80.000.000đ. Sau khi nhận tiền, H đưa cho L hồ sơ và 03 lần tiền. Đầu tháng 3/2019, L chuyển qua mạng xã hội ZALO cho H danh sách người tham gia thi, số phòng thi của V, 03 đề thi, 03 đáp án đề thi và kế hoạch thi tuyển Văn chức vào ngày 07/03/2019, đồng thời kêu H chuyển cho V học trước, sau khi nhận H chuyển qua mạng ZALO hết cho V.

Ngày 06/03/2019, H kêu V đến Cửa hàng V tính Nguyễn H do H làm chủ làm bài thi tuyển Văn chức theo đề số 3 vào giấy nháp, rồi H đưa bài thi của V cho L. Khoảng 10 ngày sau, L chuyển qua ZALO cho H Quyết định số 32/QĐ-SGDĐT ngày 19/3/2019, sau đó L nói với H trường hợp của V phải chấm phúc khảo.

Ngày 31/5/2019, nhân Văn bưu điện chuyển bì thư cho V đựng Quyết định số 132/QĐ-SGDĐT ngày 06/6/2019. L nói với H do chấm phúc khảo trễ nên quyết định số 32 bị hủy bỏ và thay bằng Quyết định số 132.

Ngày 12/6/2019, V mang Quyết định số 132 đến nộp cho Trường Nguyễn Đình Chiểu, Phòng Giáo dục nghi vấn là tài liệu giả nên báo Công an.

- Tháng 6/2018, H kêu em vợ là Trần Xuân H, hùng vốn đầu thầu thuê nhà giữ xe và căn tin. H liên hệ với L yêu cầu được trúng thầu thuê nhà giữ xe và căn tin của trường. L nói với H giá 60.000.000đ/năm, chứng minh tài chính đầu thầu 40.000.000đ, tổng cộng 100.000.000đ. L đưa cho Lê Giang 01 lần 50.000.000đ.

Ngày 20/06/2019, sau khi H bị Cơ quan Cảnh sát điều tra bắt giữ, H tố giác L về hành V trên.

- Tháng 7/2018, mẹ của cháu Xuân A là bà Trương Ngọc L và bà nội của cháu Quốc B là bà Trần Thị Đ nhờ H đưa 02 cháu là học sinh không đúng tuyến nhập học Trung Vương. L nói với H giá mỗi cháu là 7.000.000đ, L lấy 02 hồ sơ và 10.000.000đ, còn 4.000.000đ L cho H.

Vật chứng thu giữ:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SONY X, thẻ nhớ 8Gb, 01 sim Vnaphone, số 0945.350.954 (đã trả cho V); 01 Quyết định tuyển dụng Văn chức số 132/QĐ-SGDĐT ngày 06/6/2019 do Trần Ngọc D, Giám đốc Sở ký (do V giao nộp).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7 Plus, sim Vnaphone, số 0918.622.848; 02 sổ hộ khẩu photocopy, cùng số 010475295, họ tên chủ hộ Hg Văn Văn, mỗi sổ có 16 trang; 01 sổ hộ khẩu photocopy, số 010475295, họ tên chủ hộ Hg Văn Văn, gồm 08 trang; 06 ảnh màu có chữ ký của H; Bảng tổng hợp

nhu cầu bổ sung người làm Vệ năm học 2018, 2019, cấp trung học cơ sở; Bảng tổng hợp nhu cầu bổ sung người làm Vệ năm học 2018, 2019 đơn vị trực thuộc sở; 01 thùng máy, cấu hình Intel ® Core i3-3220 Ram 8Gb; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu COMPAQ, Ram 1,5 Gb; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP Intel ® Core TM i5, Ram 4Gb; 01 máy tính xách tay hiệu COMPAQ, không khởi động được; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP PROBOOK 450, Ram 4Gb; 01 đầu thu Camera hiệu @ Jhua DH1-XVR4104 HS (thu giữ tại nhà H).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A70; 01 thùng CPU nhãn hiệu DELL có dòng chữ VSTRO (do L giao nộp).

- 01 bản hợp đồng photocpy, số 237/HĐ-SGDĐT ngày 07/8/2019 (do bà Hậu giao nộp).

- 01 kế hoạch số 1601/KH-CATP ngày 18/6/2019 (do Công an thành phố cung cấp).

- 01 giấy mời số 131/GM-SGDĐT ngày 07/8/2019 và 01 giấy mời số 132/GM-SGDĐT ngày 09/8/2019 (do Sở giáo dục cung cấp).

- Tiền Việt Nam đồng 24.000.000đ (do Trần Hiền N vợ H giao nộp chuyển Cơ quan thi hành án dân sự).

Kết luận giám định số 78,79/KLGT-PC09 ngày 16/8/2019 và ngày 16/9/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang ghi nhận tìm thấy các dữ liệu trong 02 thùng Case CPU và 02 điện thoại di động thu giữ trong vụ án:

- Quyết định số 32/QĐ-SGDĐT ngày 19/3/2019 của Sở giáo dục và Đào tạo An Giang về Vệ tuyển dụng Viên chức đối với Bùi Thị Tường V vào thử Vệ tại trường Trung học cơ sở Nguyễn Đình Chiểu vào ngày 15/4/2019;

- Kế hoạch số 07/KH- SGDĐT ngày 15/02/2019 của Sở giáo dục và Đào tạo An Giang, về Vệ tuyển dụng bổ sung Viên chức ngành giáo dục và đào tạo năm 2019; Danh sách thí sinh kiểm tra, sát hạch thông qua phỏng vấn kỳ thi tuyển dụng bổ sung Viên chức năm 2019;

- Hình dấu tròn trên Quyết định số 132/QĐ-SGDĐT ngày 06/6/2019 so với dấu tròn của Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang trên các mẫu so sánh không phải do cùng 01 con dấu đóng ra, chữ ký mang tên Trần Thị Ngọc D trên Quyết định số 132/QĐ-SGDĐT ngày 06/6/2019 so với chữ ký của Trần Thị Ngọc D trên các mẫu so sánh không phải do cùng 01 người ký ra.

- Không đủ cơ sở kết luận hình dấu tròn đề Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang và chữ ký mang tên Trần Thị Ngọc D trên hợp đồng số 237/HĐ-SGDĐT ngày 07/8/2019 do hình dấu tròn và chữ ký photocpy.

- Không đủ cơ sở kết luận hình dấu tròn đề Công an thành phố Châu Đốc và chữ ký mang tên Nguyễn Thanh V trên sổ hộ khẩu số 010475295, tên chủ hộ Hg Văn V do hình dấu tròn và chữ ký photocpy.

Tại Cáo trạng số 12/CT-VKSCĐ ngày 17/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố các bị cáo Đỗ Thành L và Nguyễn Ngọc H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm c khoản 2 Điều 174 và điểm b, d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo H khai nhận đã thực hiện hành V phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố, tuy nhiên H khai không biết các loại giấy tờ trên L giao lại là giả.

- Bị cáo L khai không thực hiện hành V phạm tội như nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố.

- Những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng gồm: H, Tiền G, L, Đ, V, Thi, Đạt cung cấp lời khai như đã khai trong giai đoạn điều tra.

- Kiểm sát Viện trình bày lời luận tội: Mặc dù bị cáo L không thừa nhận hành V phạm tội. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai, thông qua đối chất, nhận dạng của những bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, lời khai của bị cáo H và lời khai ban đầu của bị cáo L trong giai đoạn điều tra, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định hành V của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm c khoản 2 Điều 174 và điểm b, d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành V phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý, thể hiện sự xem thường pháp luật, chẳng những gây thiệt hại về tài sản của công dân mà còn gây rối loạn Việc quản lý hành chính Nhà nước về quản lý giấy tờ tài liệu, ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần phải có mức hình phạt nghiêm tương xứng với từng hành V phạm tội của các bị cáo, nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

Đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, các bị cáo H, L phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*”, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xét về tính chất vụ án, đây là vụ án có đồng phạm nhưng thuộc đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết và phân công vai trò chặt chẽ khi thực hiện tội phạm. Vì vậy, cần phân hóa vai trò từng bị cáo để xử lý.

Đối với bị cáo Đỗ Thành L là người rủ rê, xúi giục và cùng bị cáo H thực hiện tội phạm.

Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc H, có vai trò đồng phạm là người giúp sức, cùng thực hiện tội phạm; mặc dù biết rõ bị cáo L không có khả năng lo giúp theo yêu cầu các bị hại nhưng vì hám lợi, bị cáo đã cùng với L thực hiện hành V phạm tội.

Tuy nhiên, bị cáo H thuộc thành phần nhân dân lao động, “Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả”; “Người phạm tội thành khẩn khai báo ăn năn hối cải”; “Người phạm tội tự thú”; “Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án” quy định tại các điểm b, r, s, t khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51. Do đó đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt:

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, d khoản 2 Điều 314, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo L từ 03 đến 04 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 02 đến 03 năm về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Đồng thời, đề nghị áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của 02 tội buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, d khoản 2 Điều 314, điểm g khoản 1 Điều 52, các điểm b, r, s, t khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo H từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Đồng thời, đề nghị áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của 02 tội buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo có H cảnh kinh tế khó khăn, thu nhập không ổn định không áp dụng đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Hậu yêu cầu L bồi thường 80.000.000 đồng; bị hại V, Đào, Lua không yêu cầu bồi thường. Xét yêu cầu của bị hại Hậu là có căn cứ, đúng luật định. Xét thấy H cũng có lỗi và là trung gian dẫn đến gây thiệt hại cho Hậu đối với số tiền bị L chiếm đoạt. Vì vậy, buộc bị cáo H, L có trách nhiệm liên đới bồi thường cho Hậu số tiền 80.000.000đ. Riêng đối với số tiền 20.000.000 đồng buộc bị cáo L có trách nhiệm giao nộp lại số tiền chiếm đoạt của H 20.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng, áp dụng các Điều 46, Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc H 01 máy tính xách tay, nhãn hiệu COMPAQ, RAM 1,5 Gb; 01 máy tính xách tay, nhãn hiệu HP Intel ® core TM i5, Ram 4Gb; 01 máy tính xách tay, hiệu COMPAQ, không khởi động được; 01 máy tính xách tay, nhãn hiệu HP PROBOOK 450, RAM 4Gb; 01 đầu thu camera hiệu @ Jhua DH1 - XVR4104 HS.

Trả lại cho bà Hiền Nhân số tiền 24.000.000 đồng.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước đối với 01 điện thoại di động, nhãn hiệu IPHONE 7 Plus, sim mạng Vnaphone, số 0918.622.848; 01 thùng máy, cấu hình Intel ® Core i3 - 3220 Ram 8Gb của bị cáo Nguyễn Ngọc H và 01 điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A70 và 01 thùng CPU nhãn hiệu DELL có dòng chữ VSTRO (của bị cáo Đỗ Thành L).

Đối với các tài liệu giả đã thu giữ trong vụ án là những vật chứng vụ án cần tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

Đối với Lê Giang (không rõ họ, tên, địa chỉ cụ thể) Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh xử lý sau.

Kiến nghị UBNDTP Châu Đốc giám sát quản lý tốt hơn nữa để tránh đi Vệc chạy trường, chạy lớp (kiểm tra chặt chẽ đầu vào theo quy định và điều kiện nhập học).

Kiến nghị Sở tư pháp tỉnh An Giang giám sát quản lý chặt đối với các Phòng công chứng trong Vệc công chứng, chứng thực (thực hiện phạm tội của các bị cáo có lỗi của Công chứng Viên trong Vệc ký chứng thực không theo tài liệu gốc).

- Người bào chữa cho bị cáo L Luật sư Đức trình bày:

+ Đối với trường hợp lo cho 02 cháu Xuân Anh, Quốc Bảo được vào học tại Trường Trung Vương, bà Đào, bà Lua khai liên hệ H và đưa tiền H chứ không đưa tiền L, H nói nhận tiền Lua, Đào đưa L là không có căn cứ nên không có cơ sở quy kết L có tội.

+ Đối với trường hợp V thi tuyển Viên chức để được vào trường Nguyễn Đình Chiểu, Tiền Giang là bạn với H gợi ý cha mẹ V lo cho V để được vào thi đậu Viên chức và được vào dạy học trường Nguyễn Đình Chiểu gia đình V chấp nhận và đã đưa 80 triệu đồng để nhờ Giang đứng ra lo cho V và đã trả xong số tiền này cho Giang. Đồng thời V khai không biết L, Giang nói đưa tiền cho H mà lại đòi tiền L là không phù hợp hơn nữa gia đình V rút lại yêu cầu đối với các bị cáo liên quan tới số tiền mà đã bỏ ra lo cho V. Tuy nhiên, Tiền Giang vẫn yêu cầu L trả lại là không phù hợp cho nên lời khai Giang không có cơ sở chấp nhận.

+ Đối với trường hợp đấu thầu căn tin trường Châu Thị Tế: Lời khai ban đầu Hậu khai không biết L nhưng sau cho rằng biết L. Lời khai Hậu không có căn cứ và Vệc Hậu đưa tiền H quay lại đòi L trả là không có cơ sở. Bên cạnh đó do mối quan hệ H, Hậu là anh rể em vợ nên cùng nhau đổ tội về cho L. Khi đưa hợp đồng H là người đưa chứ L không có đưa cho Hậu. Vì vậy L không có hành V phạm tội và chưa đủ cơ sở kết tội.

- Người bào chữa cho bị cáo H Luật sư Tuấn trình bày:

+ Đối với trường hợp lo cho 02 cháu Xuân Anh, Quốc Bảo được vào học tại Trường Trung Vương, H chỉ giúp với mục đích muốn đưa các cháu vào học chứ không muốn chiếm đoạt và tin rằng L đưa hộ khẩu có công chứng là thật

nên Vệc nhận hộ khẩu là từ L đưa là phù hợp nên đưa Đào, bà Lua để nộp vào trường. H không nhận thức được Việc này và không dùng thủ đoạn gian dối trước khi chiếm đoạt.

+ Đối với trường hợp V thi tuyển Văn chức để được vào trường Nguyễn Đình Chiểu, H với Giang là chỗ thâm tình quen biết nên giúp Giang và nghĩ Việc nhận tiền là chi phí là hợp lý chứ không chiếm đoạt. Bản chất vấn đề là H không biết giấy tờ giả, Việc giáo Văn nhận bằng giả dạy học là không phù hợp. Ý định H chỉ giúp L cho V thi thử tại nhà với lại số tiền 20 triệu đồng là không lớn. Đối với Quyết định 132, H là nạn nhân. Bởi lẽ, ý chí chủ quan của H không biết Quyết định 132 là giả.

Từ căn cứ phân tích bên thấy rằng chưa đủ cơ sở quy kết tội đối với H.

Ý thức chủ quan không cố ý chiếm đoạt, do nhận thức không biết chỉ là vô ý. Mong Hội đồng xét xử xem xét nếu có đủ căn cứ quy kết có tội xin giảm nhẹ cho bị cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo H Luật sư Kê trình bày:

Việc học trái tuyển là do gợi ý của L và các bị hại nhờ H có liên hệ L và được L chấp nhận. Bị cáo H không biết Việc làm giả của L đối với sổ hộ khẩu, quyết định 132. Vì vậy chưa đủ căn cứ kết tội. Đối với vụ Châu Thị Tế H vô tình tiếp tay cho bị cáo L.

- Trong lời đối đáp Kiểm sát Văn cho rằng:

+ Đối với bị cáo H: Bị cáo biết rõ trường hợp cháu Quốc Bảo có hộ khẩu thường trú tại khóm Vĩnh Đông, phường Núi Sam; cháu Xuân Anh có hộ khẩu tại xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang thì không thể đồng thời có sổ hộ khẩu tại khóm Châu Quới 3, phường Châu Phú B và cũng không thể được nhập vào hộ khẩu của chủ hộ Hg Văn Văn được. Bởi vì, giữa những người này không có mối quan hệ gì với nhau, thủ tục cấp nhập hộ khẩu không đơn giản. Do đó buộc bị cáo phải biết sổ hộ khẩu là giả.

Trường hợp của Bùi Thị Tường V: Kế hoạch dự thi được tổ chức tại Sở giáo dục đào tạo tỉnh An Giang ngày 07/3/2019, nhưng ngày 06/3/2019, bị cáo yêu cầu V đến cửa hàng của bị cáo làm bài thi, không Hội đồng thi, không Ban giám khảo là sai quy định. Việc tổ chức làm bài thi tại nhà của bị cáo và kết quả V nhận được quyết định trúng tuyển Văn chức rõ ràng là sai quy định về thi tuyển dụng Văn chức. Bên cạnh đó, từ thời điểm làm bài thi tại nhà của bị cáo đến khi có Quyết định V không làm bài chỗ nào khác nhưng lấy kết quả Quyết định thật là không có cơ sở. Vì vậy, buộc bị cáo phải biết Quyết định 132 do V trúng tuyển là giấy tờ giả, và Việc tổ chức làm bài thi tại nhà bị cáo chỉ là thủ đoạn gian dối, nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại.

+ Đối với bị cáo L: Đối chiếu lời bào chữa của Luật sư thấy rằng căn cứ quy kết đối với hành V phạm tội của bị cáo L là đủ căn cứ trên các cơ sở đó là, thông qua đối chất, nhận dạng của những bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan, người làm chứng, lời khai của bị cáo H và lời khai ban đầu của bị cáo L trong giai đoạn điều tra, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và tài liệu giả thu thập được là sổ hộ khẩu, quyết định 132 và 04 chứng từ thể hiện Đỗ Thành L (dùng số điện thoại 0966.854.857) đã 04 lần nhận tài liệu “01 bộ hồ sơ, giấy tờ” từ người tên Giang có số điện thoại 0934.180.556 gửi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Về hành V, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra Viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát Viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành V, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng. Mặc dù, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa những người làm chứng ông Vân, ông Liêm vắng mặt. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, Việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho Việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng Hình sự quyết định vẫn tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[3] Hành V phạm tội:

Đối chiếu lời khai của bị cáo Nguyễn Ngọc H tại phiên tòa và lời khai trong giai đoạn điều tra truy tố có cơ sở xác định:

Khoảng từ tháng 6/2018, bị cáo quen biết L, L gợi ý với bị cáo về Việc nhận làm hồ sơ giao L để cùng hưởng lợi. Cụ thể:

- Bùi Thị Tường V cần trúng tuyển Văn chức vào Trường Nguyễn Đình Chiểu, bị cáo trao đổi L đồng ý nhận giá 60.000.000đ, bị cáo kê lên giá 80.000.000đ, hưởng lợi 20.000.000đ, gửi kế hoạch, đề thi của Sở giáo dục về kỳ thi tuyển công chức, Văn chức; kêu V đến cửa hàng V tính của bị cáo để làm bài thi, mục đích là để tạo lòng tin cho V, chiếm đoạt số tiền đã nhận.

- Bị cáo nhận yêu cầu và tiền của bà Đào, bà Lua lo cho Quốc Bảo, Xuân Anh vào học tại trường Trung Vương; 02 em không có hộ khẩu thường trú trên địa bàn theo quy định của Trường, bị cáo liên hệ với L đồng ý nhận hồ sơ để làm, tài liệu giả, nhập tên 02 em Quốc Bảo, Xuân Anh vào hộ khẩu của ông Hg Văn Vân để các em đủ điều kiện được nhập học với giá 7.000.000 đồng/01 trường học; bị cáo nhận lời và nhận các loại giấy tờ (sổ hộ khẩu photo công chứng) từ Đào, Lua giao đưa cho L hồ sơ cùng 14.000.000đ, L chia 4.000.000đ.

Sau đó L giao lại tài liệu cho bị cáo xem biết được Quốc Bảo, Xuân Anh được nhập vào sổ hộ khẩu của ông Vân biết Vân, Đào, Lua, Xuân Anh, Quốc Bảo không có mối quan hệ gì với nhau. Bị cáo giao tài liệu để Đào, Lua đăng ký nhập học cho Xuân Anh, Quốc Bảo.

- Hợp đồng trúng đấu thầu căn tin, nhà giữ xe, bị cáo biết L sử dụng các tài liệu giả, tiếp tục hỏi và nhận tài liệu, tiền từ bị hại Hậu để được trúng thầu với giá rẻ hơn thực tế đấu thầu 100.000.000đ, khai thác 03 năm. Bị cáo thông báo lại với Hậu đưa 80.000.00đ và bị cáo đưa 20.000.000đ, tổng cộng giao L 100.000.000đ, với mong muốn được khai thác căn tin và nhà giữ xe của Trường Trung học phổ thông Châu Thị Tế.

Lời khai của bị cáo phù hợp với và lời khai bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ được Cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra, kiểm tra tại phiên tòa cụ thể:

- Lời khai các bị hại Đào (Bút lục 300 – 301; 384 - 385), Lua (Bút lục 297 - 298). Đầu năm 2018, bà Đào, bà Lua đến nhờ H giúp cho các cháu Quốc Bảo, Xuân Anh học trường tiểu học Trung Vương do Bảo có hộ khẩu thường trú tại khóm Vĩnh Đông, phường Núi Sam, Xuân Anh có hộ khẩu tại xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (trong khi trường Trung Vương chỉ nhận học sinh có hộ khẩu tại khóm Châu Quới 3, phường Châu Phú B). H đồng ý và yêu cầu mỗi người đưa 7.000.000 đồng. Sau đó, Đào, Lua được H cung cấp 02 sổ hộ khẩu với nội dung 02 cháu Quốc Bảo, Xuân Anh có hộ khẩu thường trú tại khóm Châu Quới 3, phường Châu Phú B và đã giao nộp cho trường Tiểu học Trung Vương để làm thủ tục cho 02 cháu Quốc Bảo, Xuân Anh được vào học đến nay.

- Lời khai V (bút lục số 271 – 277; 382 – 383) khai: Sau khi Giang nhận tiền của gia đình V đưa cho H số tiền 80 triệu đồng, H và V đã nhiều lần nhắn tin qua Zalo với nội dung H sẽ giúp V thi trúng tuyển Văn chức. H còn gửi các kế hoạch số 07 ngày 15/02/2019 về Vệc tuyển dụng bổ sung Văn chức ngành giáo dục 2019; Danh sách thí sinh kiểm tra sát hạch; 03 đề thi kèm đáp án thi. Ngày 06/3/2019, H liên lạc kêu V đến cửa hàng V tính Nguyễn Hg (số 119, đường Nguyễn Văn Thoại, khóm Châu Thới, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc), làm bài thi tuyển trên giấy nháp, theo đề số 03. Khi làm bài thi, V có hỏi H tại sao tổ chức cuộc thi không đúng như kế hoạch về thời gian, địa điểm thi, H nói “*chuyện sau anh lo được*” và kêu V chỉ thi tại nhà bị cáo, ngày 07/3/2019 không cần thi tại Sở giáo dục như kế hoạch.

Khoảng 10 ngày sau, H chuyển qua mạng xã hội Zalo cho V Quyết định số 32/QĐ-SGDĐT ngày 19/3/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang, về *Việc tuyển dụng Văn chức, đối với Bùi Thị Tường V, vào thử Việc tại Trường trung học cơ sở Nguyễn Đình Chiểu vào ngày 15/4/2019*. Sau đó, H nói với V trường hợp của V phải phúc khảo, nên khi nào có Quyết định tuyển dụng chính thức sẽ gửi qua đường Bưu điện. Ngày 31/5/2019, V nhận được Quyết định số 132/QĐ-

SGDDT, do Trần Thị Ngọc Diễm, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang ký, ghi ngày 06/6/2019, gửi bưu phẩm chuyển phát. Ngày 12/6/2019, V đến nhận nhiệm vụ tại Trường Trung học cơ sở Nguyễn Đình Chiểu, Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Châu Đốc, tiếp nhận, nghi vấn Quyết định số 132 nêu trên là giả, nên tố giác.

- Lời khai Bị hại Hậu (Bút lục số: 292 – 296; 373 – 374; đối chất L Hậu 375 – 377) khai: có đưa cho H số tiền 80 triệu đồng để đầu thầu căn tin của trường Châu Thị Tế. Sau khi làm xong, H, L đến nhà và giao cho Hậu 01 Hộp đồng trùng thầu căn tin.

- Lời khai người làm chứng Bùi Văn Đạt (cha ruột V, Biên bản ghi lời khai ngày 07, 08/5/2020) cho biết: Khoảng đầu năm 2019, V cho Đạt xem danh sách thi, kế hoạch thi, phòng thi và địa điểm thi tại Sở giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang do H gửi cho V. Nhưng sau đó, H điện thoại cho Đạt kêu V đến thành phố Châu Đốc làm bài thi do Hội đồng thi dời về Châu Đốc, Đạt kêu V đến thành phố Châu Đốc làm bài thi theo yêu cầu của H. Một thời gian sau (không nhớ ngày, tháng), H chuyển cho V danh sách trúng tuyển Văn chức, V cho Đạt xem, Đạt điện thoại hỏi H khi nào có Quyết định trúng tuyển, H kêu Đạt “*xóa danh sách trúng tuyển trên mạng xã hội ZALO, khi nào có Quyết định chính thức mới chắc ăn*”. Ngày 13/6/2019, khi V mang Quyết định trúng tuyển đến trường nhận nhiệm vụ thì bị Công an phát hiện, Đạt điện thoại hỏi Quyết định trúng tuyển của V có vấn đề gì không, H trả lời “*tự rước họa vào thân thì ráng chịu*”, rồi tắt máy điện thoại, không liên lạc được với H.

- Lời khai Trần Thanh Liêm (chồng của Hậu bút lục số 378 – 379) khai: Liêm trực tiếp chứng kiến H, L cùng đến đưa cho Hậu bản hợp đồng thuê căn tin để Hậu ký tên, phù hợp với lời khai của bị cáo H và bị hại Trần Xuân Hậu.

- Lời khai Nguyễn Tiên Giang (bút lục số 280 – 287; 368 – 369; đối chất 370 – 372), năm 2018, Giang nhờ H giúp trường hợp Bùi Thị Tường V (em họ của Giang) thi trúng tuyển Văn chức trường Nguyễn Đình Chiểu, H đồng ý, ra giá 80.000.000 đồng, Giang nhận tiền của gia đình V và trực tiếp đưa cho H đủ số tiền 80.000.000 đồng được chia thành 03 đợt. Khoảng cuối năm 2018, V nộp hồ sơ thi tuyển Văn chức không được, Giang đến gặp H nói nếu không làm được thì trả lại tiền; H cùng với Giang đến gặp L tại quán hải sản Minh Hương nói chuyện. Tại đây, Giang nói nếu không làm được thì trả lại tiền, L hứa sẽ lo giúp cho V được trúng tuyển Văn chức tại trường Nguyễn Đình Chiểu và tiếp tục kêu Giang chờ đợi.

- Kết luận giám định số 78 ngày 16/8/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang, ghi nhận tìm thấy các dữ liệu trong 02 thùng CPU thu giữ của bị cáo H và điện thoại di động thu giữ của bị hại Bùi Thị Tường V trong vụ án (Bút lục số 138 – 140):

- Quyết định số 32/QĐ-SGDĐT ngày 19/3/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang, về *Vệc tuyển dụng Viên chức đối với Bùi Thị Tường V vào thử Việc tại Trường Trung học cơ sở Nguyễn Đình Chiểu vào ngày 15/4/2019;*

- Kế hoạch số 07/KH-SGDĐT ngày 15/02/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang, về *Việc tuyển dụng bổ sung Viên chức ngành giáo dục và đào tạo năm 2019; Danh sách thí sinh kiểm tra, sát hạch thông qua phỏng vấn kỳ thi tuyển dụng bổ sung Viên chức năm 2019.*

- Kết luận giám định số 79 ngày 16/9/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang ghi nhận: *“Hình dấu tròn trên Quyết định số 132 QĐ-SGDĐT ngày 06/6/2019 so với dấu tròn của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang, trên các mẫu so sánh, không phải do cùng một con dấu đóng ra; chữ ký mang tên Trần Thị Ngọc Diễm trên Quyết định số 132 QĐ-SGDĐT ngày 06/6/2019, so với chữ ký của Trần Thị Ngọc Diễm trên các mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra”.*

- Sổ hộ khẩu số 010359 cấp ngày 05/02/2015 do chủ hộ Hg Văn Vân cung cấp và lời khai của chủ hộ Hg Văn Vân (Bút lục số 303 – 304, Biên bản ghi lời khai ngày 06/5/2020) cho biết: Cuối năm 2015, Vân có đưa bộ hồ sơ cho L (trong đó có sổ hộ khẩu của gia đình Vân, bản phô tô công chứng) để nhờ L xin cho vợ của Vân được học Việc tại các trường trung học phổ thông, nhưng không được, Vân không nhận lại hồ sơ.

Từ trước đến nay, Vân không quen biết Quang Quốc Bảo, Tô Ngọc Xuân Anh và cũng không cho nhập chung vào sổ hộ khẩu. Trong sổ hộ khẩu số 010359 cấp ngày 05/02/2015 do Vân là chủ hộ thì chỉ có Vân, vợ Vân và con gái ruột của Vân tên Hg Ngọc Thanh Như.

Tại phiên tòa, mặc dù bị cáo khai không biết các giấy tờ do L đưa là giả. Tuy nhiên, bị cáo là người có trình độ học vấn, bị cáo phải biết rõ trường hợp cháu Quốc Bảo có hộ khẩu thường trú tại khóm Vĩnh Đông, phường Núi Sam; cháu Xuân Anh có hộ khẩu tại xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang thì không thể đồng thời có sổ hộ khẩu tại khóm Châu Quới 3, phường Châu Phú B và cũng không thể được nhập vào hộ khẩu của chủ hộ Hg Văn Vân vào ngày 19/7/2016 được. Bởi vì, giữa những người này không có mối quan hệ gì với nhau, thủ tục cắt nhập hộ khẩu không đơn giản, khi các bên giao nhận chỉ là bản photo không phải sổ gốc nên không thể chuyển nhập.

Trường hợp của bị hại Bùi Thị Tường V: Trong khi kế hoạch dự thi do bị cáo nhận từ L thì cuộc thi được tổ chức tại Sở giáo dục đào tạo tỉnh An Giang ngày 07/3/2019 nhưng ngày 06/3/2019, L kêu bị cáo yêu cầu V đến cửa hàng của bị cáo làm bài thi trên giấy nháp, không Hội đồng thi, không Ban giám khảo và khi làm bài thi, V có hỏi bị cáo tại sao tổ chức cuộc thi không đúng như kế hoạch về thời gian, địa điểm thi, bị cáo nói *“chuyện sau anh lo được”* và kêu V chỉ thi tại nhà bị cáo, không có cuộc thi vào ngày 07/3/2019 như kế hoạch. Bị cáo biết rõ Việc L kêu bị hại đến làm bài thi tại cửa hàng V tính của bị cáo là sai

quy định, không đúng như kế hoạch thi; bị cáo cũng đã nghi ngờ có hỏi, L không giải thích rõ ràng nhưng bị cáo vẫn làm theo theo sự hướng dẫn của bị cáo L. Việc tổ chức làm bài thi tại nhà của bị cáo và kết quả V nhận được quyết định trúng tuyển Văn chức rõ ràng là sai quy định về thi tuyển dụng Văn chức. Bên cạnh đó, từ thời điểm làm bài thi tại nhà của bị cáo đến khi có Quyết định V không làm bài chỗ nào khác nhưng lấy kết quả Quyết định thật là không có cơ sở. Vì vậy, buộc bị cáo phải biết Quyết định 132 do V trúng tuyển là giấy tờ giả, và Việc tổ chức làm bài thi tại nhà bị cáo chỉ là thủ đoạn gian dối, nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại.

Như vậy, H biết làm bài tại nhà, không đi thi theo quy định mà có quyết định trúng tuyển là buộc phải biết đây là giả không thật trái pháp luật. Từ những chứng cứ phân tích nêu trên, đã có đủ căn cứ buộc bị cáo phải biết các tài liệu do bị cáo L đưa cho bị cáo là giấy tờ giả để làm thủ đoạn gian dối, lừa đảo chiếm đoạt tài sản người khác như Cáo trạng đã quy kết. Vì vậy lời khai của bị cáo về không biết tài liệu giả là không có cơ sở.

Tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Thành L, khai: Không thực hiện Việc sử dụng giấy tờ giả, để chiếm đoạt tài sản của người khác như Cáo trạng quy kết.

Tuy nhiên, các tài liệu chứng cứ hồ sơ vụ án chứng minh bị cáo cùng với bị cáo H dùng thủ đoạn gian dối bằng cách sử dụng các giấy tờ, tài liệu giả để chiếm đoạt tài sản của người khác. Cụ thể:

- Lời khai ban đầu của bị cáo trong giai đoạn điều tra: Biên bản đầu thú ngày 20/6/2019 (bút lục số 19 – 20) và Biên bản ghi lời khai ngày 20/6/2020 (Bút lục số 238 - 241), bị cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Châu Đốc đầu thú, khai nhận: khoảng giữa năm 2018, theo yêu cầu của H, bị cáo 03 lần nhờ Lê Giang (có tên nick ZALO là Lê Giang) ở Thành phố Hồ Chí Minh lo cho các trường hợp: Quang Quốc Bảo, Tô Ngọc Xuân Anh không đủ điều kiện được nhập học tại trường Trung Vương, với giá 10 triệu đồng (đã nhận từ H); chị Trần Xuân Hậu được trúng thầu căn tin, Nhà giữ xe trường Châu Thị Tế không qua đấu thầu (đã nhận từ H 50 triệu đồng); và trường hợp của Bùi Thị Tường V không qua thi tuyển được trúng tuyển Văn chức tại trường Nguyễn Đình Chiểu, đã nhận của H 40 triệu đồng. Các lần giao, nhận tài liệu của Lê Giang gửi cho bị cáo thông qua trạm xe khách Phương trang, tuyến TP. HCM – Châu Đốc.

Biên bản ghi lời khai bị cáo ngày 20/6/2019 (Bút lục số 240 – 243) tại Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Châu Đốc, bị cáo khai rõ từng lần thực hiện hành V phạm tội; Biên bản hỏi cung ngày 23/6/2019 và biên bản hỏi cung ngày 15/7/2019 (Bút lục số 242 – 245), bị cáo thừa nhận hành V phạm tội và cho rằng Việc khởi tố, điều tra, áp dụng biện pháp tạm giam đối với bị cáo là đúng, không ý kiến.

Tuy nhiên, sau đó bị cáo không thừa nhận hành V phạm tội và cho rằng do lúc đầu, Điều tra Văn Huỳnh Tấn Dũng đe dọa, ép cung nên khai theo lời của

Điều tra Viên. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh Việc bị cáo trình bày. Tại phiên tòa, ông D trình bày xác định không có hành V như bị cáo khai.

Bên cạnh đó, ngày 04/5/2020, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, Trạm xe khách Phương Trang Châu Đốc cung cấp: 04 chứng từ thể hiện Đỗ Thành L (dùng số điện thoại 0966.854.857) đã 04 lần nhận tài liệu “01 bộ hồ sơ, giấy tờ” từ người tên Giang có số điện thoại 0934.180.556 gửi. Ngày 14/5/2020, tiến hành lập biên bản xác định số điện thoại 0934.180.556 có tên tài khoản ZALO là Lê Giang, đúng như lời khai ban đầu do bị cáo khai.

Bị cáo là người đã trưởng thành, có trình độ văn hóa, hiểu biết pháp luật, bị cáo biết rõ những lời khai của mình trước Cơ quan điều tra và hậu quả pháp lý của từng lời khai. Vì vậy có căn cứ xác định lời khai ban đầu của bị cáo trước Cơ quan điều tra chính là do bị cáo tự nguyện khai nhận, không bị ép buộc và lời khai ban đầu của bị cáo phù hợp với lời khai bị cáo H, các bị hại, người làm chứng, liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Cụ thể là:

- Lời khai của bị cáo H (Bút lục số 200 – 231; 267 – 270 (biên bản đối chất với bị cáo L); 386 – 389) khai: Khoảng năm 2017, L kêu H nếu có ai có nhu cầu học trái tuyến tại trường Trung Vương thì cứ nhận rồi đưa hồ sơ cho L làm kiểm tiền. Đến cuối năm 2017, Nguyễn Tiên Giang gặp H nhờ giúp cho Bùi Thị Tường V trúng tuyển Viên chức trường Nguyễn Đình Chiểu, H điện thoại hỏi, L đồng ý và ra giá 60 triệu đồng, H nói với Giang giá 80 triệu đồng. H đã nhận tiền của Giang tổng cộng 80 triệu đồng, đưa L 60 triệu đồng, còn giữ lại 20 triệu đồng tiêu xài. Khoảng tháng 3.2019, L gửi cho H 03 đề thi, 03 đáp án, danh sách người tham gia thi; kế hoạch thi và số phòng thi để H chuyển lại cho V qua mạng xã hội ZALO. Ngày 05/3/2019, L chuyển cho H giấy nháp trong các kỳ thi và nói với H kêu V đến tiệm V tính Nguyễn Hg để làm bài thi vào ngày 06/3/2019. Xong, H đưa các bài thi của V cho L. Khoảng 10 ngày sau, L gửi cho H Quyết định số 32 ngày 19/3/2019 qua ZALO, H gửi lại cho V xem thì L thông báo cho H biết trường hợp của V phải chấm phúc khảo, khi nào có sẽ gửi cho V qua đường Bưu điện. Đến tháng 05.2019, V nhận được Quyết định số 132 ngày 06/6/2019 của Sở giáo dục đào tạo về Việc trúng tuyển Viên chức trường Nguyễn Đình Chiểu.

- Lời khai Nguyễn Tiên G (Bút lục số: 280 – 287; 368 – 369; đối chất 370 – 372) khai: vào năm 2018, G nhờ H giúp trường hợp Bùi Thị Tường V (em họ của Giang) thi trúng tuyển Viên chức trường Nguyễn Đình Chiểu, H đồng ý, ra giá 80.000.000 đồng, Giang nhận tiền của gia đình V và trực tiếp đưa cho H đủ số tiền 80.000.000 đồng được chia thành 03 đợt. Khoảng cuối năm 2018, V nộp hồ sơ thi tuyển Viên chức không được, Giang đến gặp H hỏi, nếu không làm được thì trả lại tiền; H cùng với Giang đến gặp L tại quán hải sản Minh Hương nói chuyện. Giang nói với L nếu không làm được thì trả lại tiền, L hứa sẽ lo giúp cho V được trúng tuyển Viên chức tại trường Nguyễn Đình Chiểu.

- Lời khai Trần Xuân H (Bút lục số: 292 – 296; 373 – 374; đối chất L H 375 – 377) khai: trong năm 2018, Hậu đã 02 lần gặp L tại tiệm V tính Nguyễn H, H hỏi thì H cho biết L là người hứa giúp H trúng thầu không qua đấu giá, giá 100 triệu đồng mà H đã nhờ H trước đó. Đến khoảng 17 giờ ngày 11/6/2019, L điều khiển xe mô tô hiệu Nouvo chở H đến nhà H, H ngồi sau đưa hợp đồng số 237 ngày 07/8/2019 do Trần Thị Ngọc D ký với nội dung được thuê căn tin trường Châu Thị Tế từ ngày 15/8/2019 đến 15/8/2022. Đồng thời, kêu H ký tên vào bên thuê và ngày hôm sau Hậu phô tô hợp đồng đưa lại cho H bản chính, còn bản phô tô H giữ lại.

- Lời khai Trần Thanh L chồng của H (bút lục số 378 – 379) khai: L trực tiếp chứng kiến H, L cùng đến đưa cho H bản hợp đồng thuê căn tin để Hậu ký tên, phù hợp với lời khai của bị cáo H và bị hại Trần Xuân H.

- Lời khai Trần Thị Đ (bà nội cháu Quang Quốc B, bút lục 384 - 385) Đầu năm 2018, Đào đến nhờ H giúp cho các cháu Quốc B, Xuân A được học trường tiểu học Trung Vương. Đ, đến tiệm V tính Nguyễn H gặp H để nhận hồ sơ nhập học thì thấy có người thanh niên đeo khẩu trang điều khiển xe mô tô đến tiệm đưa cho H bộ hồ sơ nhập học của cháu Bảo, trong đó có Sổ hộ khẩu.

Về tính gian dối trong hợp đồng số 237 ngày 07/8/2019 do bị cáo L đưa cho H trực tiếp giao cho bị hại H đã được chứng minh trên thực tế là không có thật. Tại Biên bản xác minh ngày 21/6/2019, bà Trần Thị Ngọc D – Giám đốc Sở GDĐT tỉnh An Giang cung cấp: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang không ký hợp đồng số 237 ngày 07/8/2019 với bà Trần Xuân H.

Từ những chứng cứ nêu trên có đủ căn cứ xác định các bị cáo Đỗ Thành L, Nguyễn Ngọc H đã 02 lần dùng thủ đoạn gian dối bằng cách sử dụng các giấy tờ, tài liệu Quyết định, Sổ hộ khẩu giả của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang và Công an thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, để chiếm đoạt 94.000.000đ của Bùi Thị Tường V (80.000.000đ), Trương Ngọc L (7.000.000đ) và Trần Thị Đ (7.000.000đ).

Riêng, bị cáo L còn có hành V dùng hợp đồng giả tạo, để chiếm đoạt của Trần Xuân H 80.000.000đ và Nguyễn Ngọc H 20.000.000đ, dùng hộ khẩu giả chiếm đoạt của bà Lua, bà Đào 14.000.000đ. Tổng số tiền L chiếm đoạt 194.000.000đ (L hưởng lợi 116.000.000đ, H 24.000.000đ, Lê Giang 54.000.000đ). Như vậy Viện kiểm sát buộc, quy kết L có 03 hành V gồm học trái tuyến, thi tuyển viên chức, hợp đồng căn tin Châu Thị Tế; H có 02 hành V là học trái tuyến, thi tuyển Viên chức.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành V làm giả, sử dụng con dấu, tài liệu giả để chiếm đoạt tài sản của người khác chính là xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản và xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính của Nhà nước là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm*

đoạt tài sản”, “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” quy định tại khoản 2 Điều 174, khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét về tính chất vụ án, đây là vụ án có đồng phạm nhưng thuộc đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết và phân công vai trò chặt chẽ khi thực hiện tội phạm. Vì vậy, cần phân hóa vai trò từng bị cáo để xử lý.

Đối với bị cáo L là người rủ rê, xúi giục và cùng bị cáo H thực hiện tội phạm, chiếm hưởng số tiền nhiều hơn bị cáo H, giữ vai trò chính trong Việc sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức dùng làm thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác. Nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo H.

Đối với bị cáo H, có vai trò đồng phạm là người giúp sức, cùng thực hiện tội phạm; mặc dù biết rõ bị cáo L không có khả năng lo giúp theo yêu cầu các bị hại nhưng vì hám lợi, khi nghe lời rủ của bị cáo L, bị cáo đã cùng với L thực hiện hành vi phạm tội như đã phân tích ở trên. Hai bị cáo có cùng ý chí thực hiện hành vi phạm tội, cùng mục đích hưởng lợi trong thực hiện hành vi phạm tội nên là đồng phạm trong vụ án.

Trong 02 lần giúp sức cho L thực hiện hành vi phạm tội, H hưởng lợi 24.000.000 đ, tiêu xài cá nhân hết. Bị cáo H nhận thức rõ các việc làm như trên là sai, nhưng không can ngăn, mà trái lại hưởng ứng tích cực giúp sức, tạo lòng tin cho các bị hại giao tài sản.

Tài sản của công dân do công sức lao động gian khó của họ tạo ra; đồng thời con dấu, tài liệu là đặc trưng của mỗi cơ quan, tổ chức; được dùng để khẳng định giá trị pháp lý đối với những văn bản, giấy tờ này. Do vậy Việc làm giả, sử dụng con dấu, tài liệu giả để chiếm đoạt tài sản của người khác chính là xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản và xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính của Nhà nước về con dấu và các loại tài liệu, giấy tờ này.

Hành Vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý, thể hiện sự xem thường pháp luật, chẳng những gây thiệt hại về tài sản của công dân mà còn gây rối loạn việc quản lý hành chính Nhà nước về quản lý giấy tờ tài liệu, ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

Do đó, cần phải có mức hình phạt nghiêm tương xứng với từng hành vi phạm tội của các bị cáo, nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội. Đồng thời khi lượng hình có căn nhắc về số tiền chiếm đoạt của từng bị cáo và đề nghị của Viện kiểm sát truy tố đối với L, H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Đối với

trường hợp học trái tuyến, thi tuyển viên chức đối với cá nhân L còn phạm thêm hành vi lừa đảo Hậu đối với Việc trúng thầu căn tin trường Châu Thị Tế.

[4] Xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng:

Đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, các bị cáo H, L phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*”, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xem xét tình tiết giảm nhẹ:

- Bị cáo H thuộc thành phần nhân dân lao động, “Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả”; “Người phạm tội thành khẩn khai báo ăn năn hối cải”; “Người phạm tội tự thú”; “Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án” quy định tại các điểm b, r, s, t khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51. Do đó có xem xét áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo khi lượng hình.

- Bị cáo L thuộc thành phần nhân dân lao động, được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Đối với lời bào chữa của người bào chữa cho các bị cáo, thấy rằng:

+ Đối với bị cáo H biết rõ trường hợp Quốc B, Xuân A có hộ khẩu nơi khác thì không thể đồng thời có sổ hộ khẩu tại khóm Châu Quới 3, phường Châu Phú B và cũng không thể được nhập vào hộ khẩu của chủ hộ Hg Văn Văn được. Bởi vì, giữa những người này không có mối quan hệ gì với nhau, thủ tục cắt nhập hộ khẩu không đơn giản. Do đó buộc bị cáo phải biết sổ hộ khẩu là giả.

Trường hợp của Bùi Thị Tường V: Việc thi không Hội đồng thi, không ban giám khảo là sai quy định. Việc tổ chức làm bài thi tại nhà của bị cáo H và kết quả V nhận được quyết định trúng tuyển Viên chức rõ ràng là sai quy định về thi tuyển dụng Viên chức. Bên cạnh đó, từ thời điểm làm bài thi đến khi có Quyết định V không làm bài chỗ nào khác nhưng lấy kết quả Quyết định thật là không có cơ sở. Vì vậy, buộc bị cáo phải biết Quyết định 132 do V trúng tuyển là giấy tờ giả, và việc tổ chức làm bài thi tại nhà bị cáo chỉ là thủ đoạn gian dối, nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại.

+ Đối với bị cáo L, về hành vi phạm tội của bị cáo là đủ căn cứ trên cơ sở đó là, thông qua đối chất, nhận dạng của những bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, lời khai của bị cáo H và lời khai ban đầu của bị cáo L trong giai đoạn điều tra, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và tài liệu giả thu thập được là sổ hộ khẩu, quyết định 132 và 04 chứng từ thể hiện Đỗ Thành L (dùng số điện thoại 0966.854.857) đã 04 lần nhận tài liệu “*01 bộ hồ sơ, giấy tờ*” từ người tên Giang có số điện thoại 0934.180.556 gửi.

[5] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Xuân Hậu yêu cầu L bồi thường 80.000.000 đồng; bị hại V, Đào, Lụa không yêu cầu bồi thường. Xét yêu cầu của bị hại Hậu là có căn cứ, đúng luật định. Bên cạnh đó, tuy Hậu không yêu cầu H liên đới cùng L bồi thường. Tuy nhiên, xét thấy H cũng có lỗi và là trung gian dẫn đến gây thiệt hại cho Hậu đối với số tiền bị L chiếm đoạt. Vì vậy, buộc bị cáo H, L có trách nhiệm liên đới bồi thường cho Hậu số tiền 80.000.000đ. Riêng đối với số tiền 20.000.000 đồng, L chiếm đoạt của H. Thấy rằng, bị cáo H tự đưa mình vào làm trung gian tiếp tay cho L chiếm đoạt tài sản của người khác và chính từ việc làm trái pháp luật của mình gây thiệt hại cho bản thân, bị cáo H cũng có một phần lỗi nên không buộc bị cáo L phải bồi thường cho bị cáo. Do đó buộc bị cáo L có trách nhiệm giao nộp lại số tiền chiếm đoạt của H 20.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước là phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng:

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc H 01 máy tính xách tay (laptop), màu đen, dán hình hoa văn xanh nhạt, hiệu COMPAQ, Genuine Intel (R) CPU T 1600 @ 1.66 GHZ 1.66 GHZ, RAM 1,5 Gb, đã qua sử dụng; 01 máy tính xách tay (laptop), màu xám bạc, hiệu HP Intel (R) core TM i5 CPU M. 580 @ 2.67 GHZ 2.67 GHZ, Ram 4.0 Gb, đã qua sử dụng; 01 máy tính xách tay (laptop), hiệu COMPAQ, màu đen đã qua sử dụng, không khởi động được; 01 máy tính xách tay (laptop), màu đen, hiệu HP PROBOOK 450, G1, Tntel (R) Core TM i5 – 4200M CPU @ 2.50 GHZ, RAM 4.0 GB, đã qua sử dụng; 01 đầu thu camera hiệu @ Jhua DH1 - XVR4104 HS, 12 vol 2A, S/N 3E04334PBQ MBNHu, đã qua sử dụng.

Trả lại số tiền 24.000.000 đồng cho Trần Hiền N.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước đối với 01 điện thoại di động, nhãn hiệu IPHONE 7 Plus, mặt trước màu trắng, mặt sau màu đỏ, số Imei: 355349085156273, Model A 1784 FCCID: BCG – E3092AIC: 579C – E3092A, bên trong có gắn 01 sim mạng Vnaphone, số thuê bao 0918.622.848 (số trên sim: 89840 – 20001.06575 – 03108) đã qua sử dụng; 01 thùng máy, cấu hình Intel ® Core i3 – 3220 CPU @ 3.30 GHZ 3.30 GHZ. Ram 8.00 GB, đã qua sử dụng (không khởi động được); 01 điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A70, màu trắng, có gắn ốp lưng trong suốt, số Imei 1: 355915100475409, số Imei 2: 355916100475407, đã qua sử dụng; 01 thùng CPU, màu đen, hiệu DELL, phía trên có dòng chữ có dòng chữ VSTRO, bên hông có dòng chữ VSTRO, phía sau có dòng chữ SERVICE TAG SXGTC2S EXPRESS SERVICE CODE 21614667364, đã qua sử dụng.

Đối với các tài liệu giả đã thu giữ trong vụ án là những vật chứng vụ án cần tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

[8] Vấn đề khác: Đối với Lê G (không rõ họ, tên, địa chỉ cụ thể) Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh xử lý sau.

Kiến nghị UBNDTP Châu Đốc giám sát quản lý tốt hơn nữa để tránh đi Vệc chạy trường, chạy lớp.

Kiến nghị Sở tư pháp tỉnh An Giang giám sát quản lý chặt đối với các Phòng công chứng trong việc công chứng, chứng thực.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự và dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Đỗ Thành L và Nguyễn Ngọc H đồng phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, d khoản 2 Điều 314, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo: Đỗ Thành L: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 02 (hai) năm tù về tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo L chấp hành hình phạt chung là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày tạm giữ, tạm giam 20/6/2019 (*ngày hai mươi tháng sáu năm hai nghìn không trăm mười chín*).

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, d khoản 2 Điều 314, các điểm b, r, s, t khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Ngọc H: 01 (một) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 01 (một) năm tù về tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo H chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày tạm giữ, tạm giam 14/6/2019 (*ngày mười bốn tháng sáu năm hai nghìn không trăm mười chín*).

Căn cứ các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc H:

+ 01 máy tính xách tay (laptop), màu đen, dán hình hoa văn xanh nhạt, hiệu COMPAQ, Genuine Intel (R) CPU T 1600 @ 1.66 GHZ 1.66 GHZ, RAM 1,5 Gb, đã qua sử dụng;

+ 01 máy tính xách tay (laptop), màu xám bạc, hiệu HP Intel (R) core TM i5 CPU M. 580 @ 2.67 GHZ 2.67 GHZ, Ram 4.0 Gb, đã qua sử dụng;

+ 01 máy tính xách tay (laptop), hiệu COMPAQ, màu đen đã qua sử dụng, không khởi động được;

+ 01 máy tính xách tay (laptop), màu đen, hiệu HP PROBOOK 450, G1, Tntel (R) Core TM i5 – 4200M CPU @ 2.50 GHZ, RAM 4.0 GB, đã qua sử dụng;

+ 01 đầu thu camera hiệu @ Jhua DH1 - XVR4104 HS, 12 vol 2A, S/N 3E04334PBQ MBNHu, đã qua sử dụng.

- Trả lại số tiền 24.000.000 đồng cho Trần Hiền N.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động, nhãn hiệu IPHONE 7 Plus, mặt trước màu trắng, mặt sau màu đỏ, số Imei: 355349085156273, Model A 1784 FCCID: BCG – E3092AIC: 579C – E3092A, bên trong có gắn 01 sim mạng Vnaphone, số thuê bao 0918.622.848 (số trên sim: 89840 – 20001.06575 – 03108) đã qua sử dụng;

+ 01 thùng máy, cấu hình Intel ® Core i3 – 3220 CPU @ 3.30 GHZ 3.30 GHZ. Ram 8.00 GB, đã qua sử dụng (không khởi động được);

+ 01 điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A70, màu trắng, có gắn ốp lưng trong suốt, số Imei 1: 355915100475409, số Imei 2: 355916100475407, đã qua sử dụng;

+ 01 thùng CPU, màu đen, hiệu DELL, phía trên có dòng chữ có dòng chữ VSTRO, bên hông có dòng chữ VSTRO, phía sau có dòng chữ SERVICE TAG SXGTC2S EXPRESS SERVICE CODE 21614667364, đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 17/01/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Châu Đốc với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc).

Đối với các tài liệu giả đã thu giữ trong vụ án là những vật chứng vụ án cần tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật Dân sự 2015.

Buộc bị cáo H, L có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền 80.000.000 đồng cho bị hại Hậu. Riêng bị cáo L có trách nhiệm giao nộp lại số tiền chiếm đoạt của H 20.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

Căn cứ các Điều 135, 136, 333 và Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo: Đỗ Thành L và Nguyễn Ngọc H (Bé) mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo L phải chịu 5.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo H phải chịu 4.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Viện KSND thành phố;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Nhà Tạm giữ;
- Phòng hồ sơ;
- Thi hành án DS thành phố;
- Bộ phận THA Tòa án;
- UBND cấp xã nơi BC cư trú;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người bào chữa;
- Người có QL-NV liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Quang Chân